TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **135/**2021/DS-ST;
Ngày: 30/11/2021;
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần M Khang; Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 76/2021/TLST-DS ngày 13/5/2021, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2021/QĐXXST-DS ngày 18/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2021/QĐST-DS ngày 10/11/2021, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** NH M;

Địa chỉ: 54A T, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông HL; chức vụ: Tổng Giám đốc MSB;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T- Chuyên viên cao cấp – Phòng XLN KHCN *(Có mặt)*.

2. Bị đơn: Anh M, sinh năm 1980 và chị H, sinh năm 1989; ĐKHKTT: Thôn V, xã KC, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội *(Đều vắng mặt)***.**

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông T, sinh năm 1958.

- Bà X, sinh năm 1958.

- Anh T, sinh năm 1986.

- Chị H, sinh năm 1990.

- Cháu D, sinh năm 2005.

- Cháu KL, sinh năm 2010.

Người đại diện theo pháp luật của D, L: Anh T, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

*(Đều vắng mặt)***.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (sau đây viết tắt: MSB) và anh M/chị H (sau đây viết tắt: anh M/chị Hằng) có quan hệ tín dụng như sau:

- Ngày 05/9/2019, MSB và anh M/chị Hcùng ký Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV, theo hợp đồng này, MSB cho anh M/chị Hvay số tiền: 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay: 120 tháng, mục đích sử dụng vốn: Tiêu dùng cá nhân; phương thức trả nợ và lãi suất hai bên tự nguyện thỏa thuận trong hợp đồng cho vay và giấy nhận nợ trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Ngày 01/7/2019, MSB và anh M/chị Hcùng ký Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, cụ thể: Hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000đ (một trăm triệu đồng; về lãi suất, thời hạn hiệu lực thẻ và phương thức thanh toán, hai bên tự nguyện thỏa thuận trong hợp đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên của anh M/chị Htại MSB là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11-2+11-3, tờ bản đồ số 58, diện tích: 176.5 m^2, tại Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội,

theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/08/2019 cho ông M và bà H.

MSB đã giải ngân cho anh M/chị Hsố tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy nhận nợ lần thứ 01 số 40.038/2019/HĐCV ngày 09/9/2019.

Ngày 1/7/2019, MSB đã cấp hạn mức Thẻ tín dụng cho anh M/chị Hsố tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh M/chị Hđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản vay bị nợ quá hạn kéo dài. MSB đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần nhưng anh M/chị Hvẫn không trả nợ cho MSB.

Tính đến ngày **30/11/2021**, tổng dư nợ của anh M/chị Htại MSB là: 1.136.621.714 đồng (Một tỉ, một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 921.143.788 đồng, nợ lãi trong hạn: 205.561.411 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.220.113 đồng, nợ phí: 696.402 đồng, cụ thể:

- Theo Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV ngày 05/09/2019: Nợ gốc: 821.233.744đ; nợ lãi trong hạn: 179.257.471đ; lãi quá hạn: 9.220.113đ

- Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng ngày 01/07/2019: Nợ gốc: 99.910.044đ; nợ lãi trong hạn: 26.303.940đ; Nợ phí: 696.402đ.

Nay MSB yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc anh M/chị Hphải trả cho MSB số tiền tính đến ngày 30/11/2011 là: 1.136.621.714 đồng (Một tỉ, một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 921.143.788 đồng, nợ lãi trong hạn: 205.561.411 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.220.113 đồng, nợ phí: 696.402 đồng.

- Kể từ ngày 01/12/2021, anh M/chị Hphải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay, Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp anh M/chị Hkhông trả được nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ dư nợ nêu trên, thì MSB được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho MSB là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11-2+11-3, tờ bản đồ số 58, diện

tích: 176.5 m^2, địa chỉ: Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo nêu trên được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh M/chị Hđối với MSB. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh M/chị Hcó nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết khoản nợ cho MSB.

**** Tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ: Ông T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Thửa đất số 11-2+11-3, tờ bản đồ số 58, diện tích: 176.5 m^2, địa chỉ: Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là một phần diện tích thửa đất của ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2019, ông bị một đối tượng cướp giấy tờ xe máy, sổ hộ khẩu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó đối tượng cướp giấy tờ rủ anh M, sinh năm 1980 là người ở huyện Hoài Đức cùng một số cán bộ ngân hàng nhiều lần đến nhà ông chụp ảnh nhà đất. Nhóm người này lừa mời vợ chồng ông bà sang một ngân hàng ở nội thành. Ông và vợ ông ký vào một số văn bản chữ nhỏ đánh máy sẵn ông không đọc được nhưng ông và vợ ông vẫn ký.

Sau đó, anh M thuê người chở cát xây tường ngăn đôi thửa đất. Ông đã báo công an đến nhưng anh M không có mặt nên không giải quyết được. Từ đó đến nay gia đình ông vẫn đang ở trên thửa đất. Công an đã đến hiện trường ông bị cướp giấy tờ nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả giải quyết.

Hiện nay gia đình ông gồm: Ông (T), vợ ông – bà X, con trai - T, con dâu - H và 02 cháu là D và KL đang sinh sống trên thửa đất, ngoài ra không có ai khác.

Các tài sản là công trình gắn liền với thửa đất gồm: 01 Nhà 02 tầng xây, 01 nhà cấp bốn, sân gạch đỏ, mái tôn đều do gia đình ông xây dựng trước khi xảy ra sự việc ông bị cướp giấy tờ nhà đất, còn lại 02 bức tường bao do anh M làm.

**** Tại Biên bản ghi ý kiến, bà Nguyễn Thị Oanh, là mẹ đẻ của anh M trình bày:***

Khoảng tháng 12/2018, con trai và con dâu bà là anh M và chị H có hộ khẩu thường trú cùng gia đình bà tại Thôn Yên Vĩnh, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Việc anh M, chị Hvay vốn và thế chấp tài sản tại ngân hàng như thế nào bà không biết.

**** Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn là anh M và chị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Bà X, anh T, chị H nhưng các đương sự đều không chấp hành nên không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.***

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa:**

- *Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Toà án và các đương sự:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự khác còn thực hiện chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của MSB, buộc anh M và chị Hphải trả MSB số tiền còn nợ hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 30/11/2021 như đại diện ngân hàng trình bày và phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/12/2021 cho đến khi trả hết nợ; Trong trường hợp không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà:

[1]. Về tố tụng:

- Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh M và chị H trả nợ hợp đồng tín dụng là tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Bị đơn cư trú thuộc địa bàn huyện Hoài Đức, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. MSB và anh M/chị Hcùng ký kết Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV ký ngày 05/09/2019; Giấy nhận nợ số 40.038/2019/CVCN ký ngày 09/09/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 01/07/2019 dựa trên cơ sở tự nguyện, hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Do vậy, các hợp đồng dân sự nêu trên là hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Theo Giấy nhận nợ lần thứ 01 số 40.038/2019/HĐCV ngày 09/9/2019, MSB đã giải ngân cho anh M/chị Hsố tiền 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 1/7/2019 MSB đã cấp hạn mức Thẻ tín dụng cho anh M/chị Hsố tiền: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

[2.2]. Quá trình thực hiện trả nợ các hợp đồng nêu trên, anh M/chị Hđã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận hai bên đã ký kết. Nay MSB khởi kiện anh M/chị Hyêu cầu trả số tiền còn nợ của 02 hợp đồng nêu trên tạm tính đến ngày 30/11/2021 là: 1.136.621.714 đồng (Một tỉ, một trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm mười bốn đồng) và yêu cầu anh M/chị Htiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng cho vay, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 01/12/2021 là có căn cứ và phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết và phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của các Tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng Nhà nước ban hành, phù hợp quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 về hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận nên được chấp nhận.

[2.3]. Hợp đồng thế chấp tài sản giữa các bên được xác lập trên ý chí tự nguyện của các bên, về hình thức, thẩm quyền công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp phù hợp theo quy định tại các Điều 167, 168, 179, 188 Luật Đất đai năm 2013; các điều: 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9, 10, 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm, do đó Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên có hiệu lực thi hành. Yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp

bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4]. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự và tự từ bỏ quyền tố tụng nên tự phải chịu thiệt hại.

[3]. Về án phí: Anh M/chị Hphải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại cho MSB toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về chi phí tố tụng: Anh M và chị Hphải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam được nhận lại chi phí tố tụng do anh M và chị Hthanh toán.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều: 26, 35, 39, 147, 157, 165, 169, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều: 167, 168, 179, 188 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng các điều: 292, 293, 294, 295, 296, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của NH M(MSB).

- Buộc anh M và chị H phải trả NH Msố tiền còn nợ Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV ký ngày 05/09/2019; Giấy nhận nợ số 40.038/2019/CVCN ký ngày 09/09/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 01/07/2019 tính đến ngày **30/11/2021** là: **1.136.621.714đ** (Một tỉ, một trăm ba mươi

sáu triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, bảy trăm mười bốn đồng), trong đó: nợ gốc: 921.143.788 đ; nợ lãi trong hạn: 205.561.411 đồng; nợ lãi quá hạn: 9.220.113 đ; nợ phí: 696.402 đ, cụ thể:

+ Theo Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV ngày 05/09/2019:

Nợ gốc: 821.233.744đ (tám trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng);

Nợ lãi trong hạn: 179.257.471đ (một trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm bảy mươi mốt đồng);

Nợ lãi quá hạn: 9.220.113đ (chín triệu, hai trăm hai mươi nghìn, một trăm mười ba đồng).

+ Theo Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng ngày 01/07/2019:

Nợ gốc: 99.910.044đ (chín mươi chín triệu, chín trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi bốn đồng);

Nợ lãi trong hạn: 26.303.940đ (hai mươi sáu triệu, ba trăm L ba nghìn, chín trăm bốn mươi đồng);

Nợ phí: 696.402đ (sáu trăm chín mươi sáu nghìn, bốn trăm L hai đồng).

- Kể từ ngày **01/12/2021**, M và chị Htiếp tục phải chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số 40.038/2019/HĐCV ký ngày 05/09/2019; Giấy nhận nợ số 40.038/2019/CVCN ký ngày 09/09/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 01/07/2019 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc cho MSB.

- Trong trường hợp anh M, chị Hkhông thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, NH Mcó quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11-2+11-3, tờ bản đồ số 58, diện tích: 176.5 m^2, địa chỉ: Thôn Cầu Cả, xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CR 555281, số vào sổ cấp GCN: CS 34306 do Sở Tài nguyên Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 09/08/2019 cho ông M và bà H.

+ Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

+ Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì anh M và chị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho NH Mcho đến khi khoản nợ được tất toán.

* Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

- Anh M và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 46.098.000đ (Bốn mươi sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Trả lại NH Msố tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2020/0015092 ngày 13/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Về chi phí tố tụng:

- Anh M và chị H phải chịu số tiền chi phí tố tụng là: 8.000.000đ *(tám triệu đồng).*

- NH Mđược nhận lại chi phí tố tụng do anh M và chị Hthanh toán số tiền là: 8.000.000đ *(tám triệu đồng).*

4. Về quyền kháng cáo:

- NH Mcó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh M và chị H, ông T, bà X, anh T và chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- TAND. TP Hà Nội;
- Chi cục THADS Hoài Đức;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- UBND xã KC;
- UBND xã Cổ Loa;
- Lưu HS.

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**